

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11/6/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-ST ngày 16 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 19 /2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M, sinh ngày 07/01/1994. Số định danh cá nhân 03019400775. Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/10/1994. Số định danh cá nhân: 030094003698. Địa chỉ: thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh M trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ vào ngày 21/01/2014, được đăng ký kết hôn tại UBND xã B (nay là xã H), huyện K, tỉnh Hải Dương. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và

tự nguyện đi đến hôn nhân. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau, vợ chồng nhiều lần xảy ra đánh cãi chửi nhau. Ngoài ra, anh Đ chơi bời cờ bạc, cá độ trên mạng, nợ lẩn nhiều người không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh Đ nhưng anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng vì thương con nên chị lại quay về chung sống với anh Đ. Anh Đ vẫn không thay đổi thói hư tật xấu nên đến tháng 3/2025 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn, cắt đứt quan hệ tình cảm với anh Đ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn anh Đ để giải phóng cho đôi bên khỏi gánh buộc.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn An B, sinh ngày 29/4/2019. Nay quan điểm của chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía anh Nguyễn Văn Đ, quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án triệu tập anh Đ nhiều lần đến trụ sở Toà án để làm việc, song anh Đ đều không đến. Do vậy, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Đ được.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị N là mẹ đẻ của anh Đ trình bày: anh Đ và chị M kết hôn năm 2014, sau khi kết hôn anh Đ và chị M chung sống với gia đình bà. Quá trình chung sống anh Đ và chị M có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Khoảng tháng 2/2025, chị M nói đi ăn liên hoan, lúc đó có bạn là trai đến đón. Anh Đ nhìn thấy và nói cho anh Đ đi cùng, nhưng chị M không đồng ý nên vợ chồng xảy ra lời qua tiếng lại với nhau sau đó chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Đ có đến tìm chị M nhưng chị M không về. Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án có gửi Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà cho anh Đ, bà N đều nhận thay và giao lại cho anh Đ, song anh Đ không đến Toà án làm việc. Bà N xác định anh Đ không đến Toà án làm việc cũng như không ra làm việc với cán bộ Toà án khi đến gia đình bà để làm việc với anh Đ là do anh Đ không muốn tiếp xúc với người khác.

Tại Biên bản xác minh tại Công an xã H thể hiện: Anh Nguyễn Văn Đ hiện đang cư trú tại thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Anh Đ hiện đang có mặt tại địa phương.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã H thể hiện: Chị M và anh Đ được UBND xã B (nay là xã H) đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2014, do anh Đ nghiện ma túy nên anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hiện nay chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở.

Tại biên bản làm việc với bà Phạm Thị L, trưởng thôn P, xã H thể hiện: anh Đ hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ là bà Phạm Thị N và ông Nguyễn Văn B1 tại thôn P, xã H, huyện K, tỉnh Hải Dương. Khi Toà án gửi Giấy triệu tập về cho anh Đ, trưởng thôn đến nhà gặp anh Đ để giao Giấy triệu tập nhưng anh Đ chửi bới nên phải giao Giấy triệu tập thông qua bà N là mẹ đẻ anh Đ.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn anh Đ; Về con chung: Giao cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Nguyễn An B, sinh ngày 29/4/2019 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 12/01/2014; Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không đặt ra việc giải quyết; Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ hiện đang cư trú tại huyện K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần 2 vẫn vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai bên đã xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống cùng nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, hiện chị M đã bỏ về nhà bố mẹ ở, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã

triệu tập anh Đ đến Toà án để tham gia phiên hoà giải nhưng anh Đ không đến. Như vậy, anh Đ đã bỏ mặc chứ không mong muốn hoà giải để hàn gắn đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh Đ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Quỳnh M xin ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu của chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng con cả hai con chung thì thấy: Toà án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 12/01/2014 thì cháu Đ1 có nguyện vọng xin được ở trực tiếp với anh Đ. Tuy nhiên, qua lời khai của bà N là mẹ đẻ của anh Đ xác định anh Đ đầu óc không bình thường và qua xác minh tại địa phương thì anh Đ nghiện ma túy. Mặt khác, Toà án không lấy được lời khai của anh Đ để xác định quan điểm của anh Đ về con chung. Xét thấy, hiện nay chị M có công việc và thu nhập ổn định và đang trực tiếp nuôi cả hai con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của các con chung cần giao hai con chung là Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 12/01/2014 và Nguyễn An B, sinh ngày 29/4/2019 cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không đặt ra việc giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Quỳnh M, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Quỳnh M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Nguyễn An B, sinh ngày 29/4/2019 và

Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 12/01/2014. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số 0006622 ngày 05 tháng 02 năm 2025. Chị M đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Quỳnh M và anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết. /.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Hoà Bình, huyện Kim Thành (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Bích